TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BÔI
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42 /2023/HSST
Ngày: 18/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Nga

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trung Tính – Ông Quách Ngọc Ánh

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2023/HSST ngày 10 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Văn T, sinh ngày 15/11/1998;

Nơi sinh: Hòa Bình Giới tính: Nam

Nơi cư trú: Khu N, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Bùi Văn V, Con bà: Bùi Thị N; Có vợ là: Đinh Thị N1 và 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2021; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án: 01 (một), Ngày 28/06/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi xử phạt 06 (sáu) tháng tù giam về tội " trộm cắp tài sản", theo bản án số 26/2022/HSST ngày 28/6/2022, đến ngày 22/7/2022 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 03/11/2021 bị Ủy Ban nhân dân thị trấn B, huyện K xử phạt vi phạm hành chính áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo quyết định số 212/QĐ – UBND.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại**: Anh Bùi Văn L, sinh năm 2000 (có mặt)

Trú tại: Xóm B, xã X, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**:

1, Anh Trần Thanh D, sinh năm 1983(có đơn xin xét xử vắng mặt).
Trú tại: Tổ A, phường D, TP H, tỉnh Hòa Bình.
2, Anh Phạm Đức T1, sinh năm 1981 (có đơn xin xử vắng mặt).
Trú tại: Số nhà A, ngõ B, tổ A, phường D, TP H, tỉnh Hòa Bình.
3, Chị Bùi Thị N, sinh năm 1978 (có mặt).
Trú tại: Khu N, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình.
* **Người làm chứng**:
1, Anh Đinh Trọng T2, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Nơi thường trú: Khu L, Y, T, Phú Thọ.
Nơi tạm trú: Xóm V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình.
2, Chị Bùi Thị T3, sinh năm 2001 (vắng mặt)
Trú tại: Xóm B, xã X, huyện K, tỉnh Hòa Bình.
***Người chứng kiến:**
1, Anh Bùi Văn N2, sinh năm 1972 (có mặt)
2, Anh Bùi Văn N3, sinh năm 1995 (có mặt)
Cùng trú tại: Xóm B, xã X, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 06/05/2023 Bùi Văn T đi bộ từ nhà tại khu N, thị trấn B, huyện K đến nhà anh Bùi Văn N3, trú tại xóm B, xã X, huyện K thì thấy trong sân nhà anh N3 có dựng chiếc xe mô tô AIRBLADE BKS 28B1 – 246.21, có cắm chìa khóa ở ổ khóa xe, cửa cổng mở, xe của anh Bùi Văn L, trú tại xóm B, xã X, huyện K. Bị cáo quan sát xe không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo mặc áo chống nắng chùm kín đầu và mặt, đến dắt chiếc xe mô tô AIRBLADE BKS 28B1 – 246.21 đi ra đường nhựa hướng đi ra cầu treo thuộc xã X, huyện K. Khi dắt xe đi được một đoạn thì bị cáo trèo lên xe nổ máy đi đến cầu Treo thuộc xã X, huyện K thì bị cáo dừng lại mở cốp xe kiểm tra bên trong cốp xe có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môt tô, 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Văn L, sau đó bị cáo điều khiển xe đi lên thành phố H.

Khi đi đến ngã ba V, thuộc xóm V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình thì xe hết xăng, bị cáo không có tiền, bị cáo đi vào cây xăng " Huy Khanh" vào cầm cố giấy phép lái xe mang tên Bùi Văn L cho nhân viên bán xăng là anh Đinh Trọng T2 để đổ 50.000đ tiền xăng. Sau đó bị cáo tiếp tục đi về hướng thành phố H.

Theo bị cáo khai, bị cáo đến quán cầm đồ " Dũng G" thuộc tổ A, phường D, bị cáo vào gặp anh Trần Thanh D nói muốn cắm chiếc xe mô tô AIRBLADE BKS 28B1 – 246.21 của em trai, bị cáo hỏi hết tầm thì được bao nhiêu, anh D bảo được 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), do bị cáo muốn cầm cố cao hơn nên bị cáo đi tìm quán cầm đồ khác. Do không tìm được quán cầm đồ nào khác nên bị cáo quay lại cắm

chiếc xe mô tô trên cho anh D với giá 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Sau đó bắt xe đi Hà Nội thuê trọ ở và tìm việc làm.

Đến chiều ngày 07/05/2023 bị cáo dùng Facebook có tên " Tiến Tiến" nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho anh L thừa nhận việc bị cáo đã trộm cắp chiếc xe của anh L và chỉ cho anh L đến cây xăng " Huy Khanh" để chuộc lại giấy phép lái xe.

Đến ngày 24/05/2023 bị cáo đã đến công an huyện K, tỉnh Hòa Bình để đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KL – HĐĐGTS ngày 30/05/2023 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, tỉnh Hòa Bình kết luận 01 xe mô tô AIRBLADE BKS 28B1 – 246.21 màu sơn đen – bạc, đăng ký lần đầu ngày 26/02/2019 còn hoạt động bình thường và đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 06/05/2023 có giá trị là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng).

Đối với 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Văn L được bị cáo để lại làm tin cho nhân viên cây xăng là anh Đinh Trọng T2 để đổ 50.000đ tiền xăng tại cửa hàng xăng dầu " Huy Khanh" thuộc xóm V, xã Đ, huyện K,tỉnh Hòa Bình. Ngày 07/05/2023 anh L đã đến của hàng xăng dầu " Huy Khanh" trả 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) cho anh T2 để lấy lại giấy phép lái xe trên. Anh T2 không biết đó tài sản do bị cáo trộm cắp mà có

Đối với xe mô tô AIRBLADE BKS 28B1 – 246.21 màu sơn đen – bạc cũ đã qua sử dụng. Theo lời khai của bị cáo đã cầm cố tại cửa hàng cầm đồ " Dũng G" thuộc tổ A, phường D, TP H, tỉnh Hòa Bình. Cơ quan công an đã tiến hành khám xét tại cơ sở cầm đồ " Dũng G" nhưng không tìm thấy chiếc xe trên. Cơ quan công an huyện K đã ra quyết định truy tìm chiếc xe mô tô trên nhưng đến nay vẫn chưa tìm thấy.

Đối với anh Phạm Đức T1 là chủ cửa hàng cầm đồ " Dũng G" và anh Trần Thanh D là nhân viên quán cầm đồ. Theo lời khai của bị cáo Bùi Văn T có cầm cố chiếc xe mô tô AIRBLADE BKS 28B1 – 246.21 màu sơn đen – bạc. Anh Phạm Đức T1 không biết việc Bùi Văn T cầm cố tài sản, anh Trần Thanh D không cầm cố chiếc xe trên. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K đã tiến hành đối chất và khám xét nơi làm việc của anh Phạm Đức T1 và anh Trần Thanh D nhưng không tìm thấy chiếc xe trên.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Văn L yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) là tiền giá trị chiếc xe mô tô AIRBLADE BKS 28B1 – 246.21 màu sơn đen – bạc, bị bị cáo trộm cắp nhưng không thu hồi được.

Tại phiên tòa anh Bùi Văn L yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) mà bị cáo đã cầm cố 01 giấy phép lái xe của anh L tại cửa hàng xăng dầu " Huy Khanh" thuộc xóm V, xã Đ, huyện K,tỉnh Hòa Bình để đổ 50.000đ (năm mươi nghìn) tiền xăng. Nay anh L đã chuộc giấy phép lái xe về.

Ngày 09/8/2023 bà Bùi Thị N (là mẹ đẻ bị cáo T) đã bồi thường cho anh L 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Bản cáo trạng số: 38/CT-VKS ngày 10/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi truy tố: Bùi Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Kết thúc quá trình tranh tụng, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; Về tội danh: Đề nghị HĐXX tuyên bố Bùi Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Về điều luật và hình phạt: Đề nghị áp dụng: Khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; điều 38 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt Bùi Văn T mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Bùi Văn T phải bồi thường cho anh Bùi Văn L 24.050.000đ (hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), gia đình Bùi Văn T đã bồi thường cho anh L được 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Bùi Văn T còn phải bồi thường cho anh Bùi Văn L số tiền 20.050.000đ (hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điều 23 Nghị Quyết 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự và án án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo và người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Bị cáo trình bày lời bào chữa và nói lời nói sau cùng, thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố; Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi và quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và của cơ quan tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Do vậy hành vi và quyết định tố tụng đó là hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Đức T1 và anh Trần Thanh D có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của người làm chứng không làm ảnh hưởng đến xét xử, do đó Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người làm chứng, bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập,

do vậy có đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 06/05/2023 Bùi Văn T đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô AIRBLADE BKS 28B1 – 246.21 của anh Bùi Văn L dựng trong sân nhà anh Bùi Văn N3 tại xóm B, xã X, huyện K, tỉnh Hòa Bình, trị giá 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng).

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Bùi Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Bùi Văn T là người có đầy đủ khả năng nhận thức và hiểu biết pháp luật, biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, song vì mục đích cá nhân, coi thường pháp luật, bị cáo vẫn cố ý thực hiện dẫn đến phạm tội.

Hành vi bị cáo gây ra xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, làm gia tăng tội phạm trên địa bàn huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Bị cáo là người nghiện chất ma túy, có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Song bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân, nay tiếp tục có hành vi phạm tội. Do đó để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, mới đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình để bồi thường cho anh Bùi Văn L số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bị cáo ra đầu thú, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản do bị cáo chiếm đoạt là chiếc xe mô tô AIRBLADE BKS 28B1 – 246.21 của anh Bùi Văn L, trị giá 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) không thu hồi trả cho anh Bùi Văn L được, nay anh Bùi Văn L yêu cầu bị cáo phải bồi thường 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu) đồng và 50.000đ (năm mươi nghìn) đồng là tiền chuộc giấy phép lái xe của anh L là có cơ sở. Bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường, bà Bùi Thị N mẹ đẻ bị cáo đã bồi thường cho anh Bùi Văn L số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Bị cáo còn phải bồi thường cho anh Bùi Văn L là 20.050.000đ (hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với bà Bùi Thị N là mẹ đẻ của bị cáo, đã bồi thường cho anh Bùi Văn L số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Tại phiên tòa bà N không yêu cầu bị cáo phải trả lại bà số tiền trên, đây là sự tự nguyện của bà N, do đó không buộc bị cáo phải trả lại cho bà Bùi Thị N số tiền trên.

Đối với anh Phạm Đức T1 là chủ cửa hàng cầm đồ " Dũng G" và anh Trần Thanh D là nhân viên quán cầm đồ. Theo lời khai của bị cáo Bùi Văn T có cầm cố chiếc xe mô tô AIRBLADE BKS 28B1 – 246.21 màu sơn đen – bạc. Anh Phạm Đức T1 không biết việc Bùi Văn T cầm cố tài sản, anh Trần Thanh D không cầm cố chiếc xe trên. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K đã tiến hành đối chất và khám xét nơi làm việc của anh Phạm Đức T1 và anh Trần Thanh D nhưng không tìm thấy chiếc xe trên. Chỉ có bị cáo Bùi Văn T giao nộp cho cơ quan điều tra 01 hợp đồng cầm có tài sản bản chính nhưng không có chữ ký bên chủ quán cầm đồ " Dũng G" nên không có cơ sở để xem xét.

[5] Vế án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo và người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo: Bùi Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ: Khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; điều 38 Bộ luật hình sự.

3. Xử phạt: Bùi Văn T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/05/2023.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Bùi Văn T phải bồi thường cho anh Bùi Văn L số tiền 24.050.000đ (hai mươi tư triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), xác nhận bị cáo Bùi Văn T đã bồi thường cho anh Bùi Văn L số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Nay bị cáo Bùi Văn T còn phải bồi thường cho anh Bùi Văn L là 20.050.000đ (hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm và 1.002.500đ (một triệu không trăm linh hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Sở Tư pháp tỉnh HB;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- CQĐT, CQTHAHS CA H. Kim Bôi;
- THADS huyện Kim Bôi;
- Bị cáo,bị hại, người liên quan;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Thanh Nga